

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Năm 2017

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Công trình Viettel
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104753865
- Vốn điều lệ: 471.233.410.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 471.233.410.000 đồng
- Địa chỉ: Số 1, Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 6275 1783
- Số fax: 024 6275 1783
- Website: congtrinhviettel.com.vn
- Mã cổ phiếu: CTR

***Quá trình hình thành và phát triển***

– Việc thành lập: Công ty Cổ phần Công trình Viettel được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần 07 ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

– Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty CP Công trình Viettel được chuyển đổi (cổ phần hoá) từ Công ty TNHH Nhà nước một Thành viên Công trình Viettel (MSDN: 0100109106-071, do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 25/01/2006) theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

– Niêm yết: Công ty CP Công trình Viettel đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch Upcom, ngày giao dịch đầu tiên 31/10/2017.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
6	Đúc sắt thép
7	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
11	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
13	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
14	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
15	Sửa chữa thiết bị điện
16	Xây dựng nhà các loại
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
18	Xây dựng công trình công ích
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
20	Phá dỡ
21	Chuẩn bị mặt bằng
22	Lắp đặt hệ thống điện
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
25	Hoàn thiện công trình xây dựng
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông
27	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

56	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
57	Bốc xếp hàng hoá
58	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không);

- Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Haiti, Peru, Tanzania, Lào, Cambodia, Mozambique, Burundi, Myanmar.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **3.1. Mô hình quản trị.**

Đại hội đồng cổ đông gồm có: 1.592 cổ đông (tính tại thời điểm ngày 12/9/2017).

Trong đó:

*Cổ đông trong nước bao gồm: 1.586 cổ đông cá nhân, 06 cổ đông tổ chức.*

*Cổ đông nước ngoài bao gồm: 03 cổ đông cá nhân, 02 cổ đông tổ chức.*

*Cổ phần của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội chiếm: 73,2% vốn điều lệ.*

#### **- Hội đồng quản trị:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HDQT	
2.	Ông Dương Quốc Chính	Thành viên HDQT	Đồng thời là Giám đốc Công ty
3.	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HDQT	
4.	Ông Lê Minh Nghiệm	Thành viên HDQT	Không còn là thành viên HDQT từ ngày 22/4/2017
5.	Ông Lưu Mạnh Hà	Thành viên HDQT	Trở thành thành viên HDQT từ ngày 22/4/2017
6.	Ông Nguyễn Giang Sơn	Thành viên HDQT	

#### **- Ban Kiểm soát:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Bà Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	

28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
31	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
32	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
33	Hoạt động viễn thông có dây
34	Hoạt động viễn thông không dây
35	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
38	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
39	Sửa chữa thiết bị liên lạc
40	Khai thác và thu gom than cứng
41	Khai thác và thu gom than non
42	Khai thác quặng sắt
43	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
44	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ các loại Nhà nước cấm)
45	Khai thác cát đá sỏi, đất sét
46	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
47	Khai thác và thu gom than bùn
48	Khai thác muối
49	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
50	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
51	Sản xuất sắt, thép, gang
52	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý
53	Đúc kim loại màu
54	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương
55	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa

- Trung tâm Vận hành khai thác khu vực 1.
- Trung tâm Vận hành khai thác khu vực 2.
- Trung tâm Vận hành khai thác khu vực 3.
- 62 trung tâm kỹ thuật Viettel tỉnh/tp.

**c. Khối chi nhánh trong nước:**

- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 1.
- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 2.
- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 3.
- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 4.
- Chi nhánh Công ty CP Công trình Viettel khu vực 5.

**d. Xí nghiệp:**

Xí nghiệp xây dựng dân dụng & công nghiệp.

**e. Khối công ty con tại thị trường nước ngoài:**

- Công ty Công trình Viettel Peru.
- Công ty Công trình Viettel Haiti.
- Công ty Công trình Viettel Cameroun.
- Công ty Công trình Viettel Mozambique.
- Công ty Công trình Viettel Burundi.
- Công ty Công trình Viettel Tanzania.
- Công ty Công trình Viettel Laos.
- Công ty Công trình Viettel Cambodia.
- Công ty Công trình Viettel Myanmar.

**3.3. Các công ty con, công ty liên kết:**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất	Vốn điều lệ (USD)	Tỷ lệ sở hữu
1.	VIETTEL CONSTRUCTION LAO CO., LTD	Bản Phanpapau, Sisattanak, Viêng Chăn, Lào	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	150.000	99,9%
2.	VIETTEL CONSTRUCTION CAMEROUN S.A	Yaounde BP 15868, Cameroun	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	40.000	99,8%
3.	VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO.,	22D, ChrokThmay, VeangVong, 7 Makara, Phnom -	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	10.000	99,6%

2.	Ông Nguyễn Bá Nhiên	Thành viên BKS	
3.	Ông Nguyễn Quang Đệ	Thành viên BKS	Không còn là thành viên BKS ngày 22/4/2017
4.	Ông Hoàng Tiến Dũng	Thành viên BKS	Trở thành thành viên HĐQT từ ngày 22/4/2017

**- Ban Giám đốc:**

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1.	Ông Dương Quốc Chính	Giám đốc	Đồng thời là thành viên HĐQT
2.	Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Giám đốc	
3.	Bà Đào Thu Hiền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/3/2017
4.	Ông Phạm Đình Trường	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/4/2017
5.	Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/4/2017
6.	Ông Hoàng Hà Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/11/2017

**3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý**

Bao gồm các phòng, ban chức năng, xí nghiệp, chi nhánh, trung tâm. Cụ thể:

**a. Khối cơ quan Công ty:** gồm 14 phòng

- Phòng Kế hoạch.
- Phòng Kiểm soát nội bộ.
- Phòng Tổ chức lao động.
- Phòng Truyền thông & Đào tạo.
- Phòng Hành chính.
- Phòng Chính trị.
- Phòng Tài chính.
- Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ
- Phòng Quản lý tài sản.
- Phòng Công nghệ thông tin.
- Phòng Kinh doanh.
- Phòng Đầu tư.
- Phòng Hạ tầng.
- Phòng Thanh khoản.

**b. Khối trung tâm:**

- Trung tâm Vận hành khai thác.

	LTD	Pênh, Campuchia			
4.	VIETTEL CONSTRUCTION BURUNDI S.A	Số 48, Đại lộ Gihosha, Bujumbura, Burundi	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	5.000	99,8%
5.	VIETTEL CONSTRUCTION TANZANIA LIMITED	353 Regent Estate, Mikicheni A, Kinodoni, Dar es Salaam, Tanzania	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	5.000	99,8%
6.	VIETTEL CONSTRUCTION MOZAMBIQUE , LDA	Số 525, quận Alto Mae, đại lộ Guerra Popular, huyện 1, Maputo, Mozambique	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	40.000	99,8%
7.	VIETTEL CONSTRUCTION HAITI S.A	Rue Dumez, đại lộ Mais Gate, đường Aeroport, thủ đô Port – au – Price, Haiti	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	2.480	98%
8.	VIETTEL CONSTRUCTION PERU S.A.C	Thủ đô Lima, Peru	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	10.000	99,9%
9.	VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD	Số 39, Đường Inya Myaing, Golden Vallay 1, Bahan, Yangon, Myanmar	Thi công, xây lắp hạ tầng viễn thông	680.000	99,9%

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

- Mục tiêu đến năm 2020, trở thành Tổng Công ty toàn cầu về quản lý dịch vụ và xây lắp hạ tầng viễn thông với doanh thu 6.000 tỷ/năm.

- Cải cách lại mô hình tổ chức quản lý tại tỉnh để tối ưu hóa chi phí, đẩy mạnh các công việc vận hành nhà mạng ngoài để đạt được mục tiêu tăng trưởng kỳ vọng.

- Hoàn thiện các quy chế khoán chi phí với quan điểm làm nghề nào, ăn nghề đó, hướng tới cơ chế làm nhiều hưởng nhiều, kích thích người lao động tăng năng suất lao động.

- Xây dựng Trung tâm điều hành chỉ huy với đầy đủ bộ công cụ phần mềm hỗ trợ khai thác số liệu nhanh và đa chiều với mục tiêu 80% các hoạt động sản xuất kinh doanh phải được quản lý bằng công cụ công nghệ thông tin.

#### ***4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

- Mô hình tổ chức theo hướng phẳng: Hoàn thiện MHTC mới theo hướng phẳng hóa, giảm tối đa các cấp trung gian, nâng cao hiệu quả thực hiện công việc.

- Công cụ: Kiểm soát các hoạt động SXKD bằng CNTT.

- Quy mô sản xuất: Thử nghiệm chuyên dịch vận hành khai thác ra các thị trường nước ngoài Viettel đầu tư.

#### ***4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:***

- Mục tiêu chính và xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Công ty là tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Pháp luật, đóng thuế đầy đủ để góp phần xây dựng một xã hội ngày càng phát triển.

- Công ty luôn quan tâm đến môi trường sống vì vậy không thực hiện các hành động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh và cộng đồng.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện không chỉ để quảng bá hình ảnh của Công ty mà còn thể hiện ý chí thực tâm muốn chia sẻ, đồng hành cùng những đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trước hết là đối với CBCNV trực thuộc Công ty, Tập đoàn, sau đó là các đối tượng không may mắn ngoài xã hội. Hằng tháng, hằng năm, vào mỗi dịp lễ tết, Công ty chú trọng hướng đến công tác đền ơn đáp nghĩa, thăm hỏi, động viên các gia đình chính sách, có công với Cách mạng...

#### ***5. Các rủi ro:***

- Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

+ Rủi ro thị trường: hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công



cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

+ Rủi ro tín dụng: là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng cho vay và các công cụ tài chính khác).

+ Rủi ro thanh khoản: là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

- Rủi ro về giá cả vật tư: Giá vật tư, hàng hóa biến động làm cho kế hoạch mua vật tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh không đáp ứng tiến độ yêu cầu. Tham gia các gói thầu gặp nhiều khó khăn khi tính giá, khả năng trúng thầu giảm xuống.

- Rủi ro trong công tác quản lý nhân sự: nhân sự công ty có số lượng lớn, phân bố 62 tỉnh thành trên cả nước, bao gồm nhiều vùng miền, dân tộc, văn hóa khác nhau dẫn đến việc khó khăn để bao quát, quản lý, điều hành.

- Rủi ro về luật pháp: hiện nay, hệ thống pháp luật Việt Nam có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn cho việc doanh nghiệp chấp hành, vận dụng vào thực tế.

- Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch họa: hoạt động chính của Công ty là xây lắp, vận hành khai thác nên yếu tố môi trường là một trong các yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến việc hoàn thành nhiệm vụ.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Tóm tắt hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017 như sau:

<b>T T</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>TH 2016</b>	<b>KH 2017</b>	<b>TH 2017</b>	<b>% TH/KH</b>	<b>So với 2016</b>
1.	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.719.854	3.178.671	3.286.445	103%	91%
2.	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.587.022	3.037.447	3.140.371	103%	98%

3.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	132.832	141.224	146.074	103%	10%
4.	Thuế thu nhập DN	Triệu đồng	32.033	31.962	35.186	110%	10%
5.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	100.798	109.262	110.888	101%	11%
6.	Trích cổ tức	Nghìn đồng	42.840	47.123	47.123	100%	
7.	Vốn điều lệ	Triệu đồng	428.400	471.233	471.233	100%	10%

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban điều hành (tại thời điểm 31/12/2017):

STT	Họ tên	Chức vụ	Thông tin tóm tắt	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1.	Dương Quốc Chính	Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1964</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – ĐH Griggs Hoa Kỳ</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>            Từ năm 2004 đến năm 2014: giữ nhiều chức vụ quản lý như Trưởng phòng, Giám đốc tại các đơn vị khác trực thuộc Tập đoàn Viettel.</p> <p>Từ năm 2014 đến nay: Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel kiêm thành viên HĐQT.</p>	0,5%
2.	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1968</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Xây dựng Đảng và Chính</p>	0,002%

			<p>quyền Nhà nước – Học viện Chính trị quân sự</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>          Từ năm 2010 đến năm 2017: giữ nhiều chức vụ quản lý như Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc tại các đơn vị khác trực thuộc Tập đoàn Viettel.          Ngày 07/4/2017, được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel.</p>	
3.	Phạm Đình Trường	Phó Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1979</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân Công nghệ thông tin – ĐH Quốc gia TP.HCM</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>          Từ năm 2007 đến năm 2017: giữ nhiều chức vụ quản lý như Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành kỹ thuật tại các đơn vị khác trực thuộc Tập đoàn Viettel.          Ngày 07/4/2017, được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel.</p>	0
4.	Nguyễn Thái Hưng	Phó Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1981</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị kinh doanh</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>          Từ năm 2004 đến năm 2015: giữ nhiều chức vụ quản lý như Phó Giám đốc, Giám đốc các chi nhánh xây lắp và công ty thị trường nước ngoài trực thuộc Công ty CP Công trình Viettel.</p>	0

			Từ năm 2015 đến nay, giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel.	
5.	Đào Thu Hiền	Phó Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1980</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Thạc sỹ Quản trị kinh doanh</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>          Từ năm 2010 đến năm 2017: giữ nhiều chức vụ quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty như Giám đốc Trung tâm kinh doanh trực thuộc Công ty CP Công trình Viettel.          Ngày 22/3/2017, được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel.</p>	0,004%
6.	Hoàng Hà Anh	Phó Giám đốc	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1981</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Kỹ sư Công nghệ thông tin – ĐH Bách khoa Hà Nội</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b>          Từ năm 2008 đến năm 2017: giữ nhiều chức vụ quan trọng như phụ trách phòng, thuộc Ban Giám đốc trung tâm phần mềm Viettel, trung tâm giải pháp CNTT và viễn thông Viettel.          Ngày 06/11/2017, được bổ nhiệm là Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel phụ trách mảng CNTT</p>	0
7.	Bùi Duy Bảo	Kế toán trưởng	<p>✓ <b>Năm sinh:</b> 1982</p> <p>✓ <b>Trình độ chuyên môn:</b> Cử nhân kinh tế</p> <p>✓ <b>Quá trình công tác:</b></p>	0

			<p>Từ năm 2007 đến năm 2017: giữ nhiều chức vụ trong công tác quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viettel.</p> <p>Hiện tại, được bổ nhiệm là Kế toán trưởng, phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty CP Công trình Viettel.</p>
--	--	--	--

## ***2.2. Những thay đổi trong ban điều hành:***

Năm 2017, Công ty CP Công trình Viettel đã bổ nhiệm thêm 04 Phó Giám đốc và thay đổi kế toán trưởng Công ty. Chi tiết như sau:

<b>STT</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Thay đổi</b>	<b>Ngày có hiệu lực</b>
1.	Đào Thu Hiền	Bổ nhiệm chức danh PGĐ	22/3/2017
2.	Phạm Đình Trường	Bổ nhiệm chức danh PGĐ	07/4/2017
3.	Nguyễn Hữu Hùng	Bổ nhiệm chức danh PGĐ	07/4/2017
4.	Hoàng Hà Anh	Bổ nhiệm chức danh PGĐ	06/11/2017
5.	Nguyễn Văn Nam	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng	03/5/2017
6.	Bùi Duy Bảo	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng	03/5/2017

## ***2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Chính sách đối với người lao động:***

✓ Tính đến ngày 31/12/2017, Công ty CP Công trình Viettel có 9.536 lao động. Trong đó, Hợp đồng lao động có 4.859 lao động (chiếm 51%), hợp đồng dịch vụ có 4.677 lao động (chiếm 49%).

✓ Công ty luôn quan tâm tới đời sống và môi trường làm việc cho CBCNV. Các chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo an toàn lao động luôn được chú trọng. Các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ... được thực hiện đầy đủ.

## **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

### ***a) Các khoản đầu tư lớn:***

Trong năm 2017, Công ty đã đầu tư vào Công cụ, dụng cụ, tài sản phục vụ sản xuất kinh doanh: 564,05 tỷ đồng.

### ***b) Các công ty con, công ty liên kết:***

Hoạt động chính của các công ty thị trường là thi công xây lắp hạ tầng viễn thông, quản lý thi công lắp đặt công trình điện tử, viễn thông. Hiện tại, các công ty thị trường tham gia chủ yếu là thi công cho các Công ty mà Tập đoàn Viettel đầu tư tại nước ngoài ở Châu Phi, Châu Á, Châu Mỹ La tinh. Công ty công trình đã có mặt ở 9 quốc gia mà Tập đoàn đã Viettel, đảm bảo cơ sở hạ tầng viễn thông để phát triển mạng lưới tại các quốc gia này.

Năm 2017, giá trị doanh thu của các Công ty thị trường 506,6 tỷ/3.279,4 tỷ chiếm 15,4% trong tổng Doanh thu của Công ty.

#### **4. Tình hình tài chính**

##### **a) Tình hình tài chính**

(Đơn vị: triệu đồng)

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>% tăng giảm so với 2016</b>
Tổng giá trị tài sản	1.296.698	1.822.925	41%
Doanh thu thuần	1.682.989	3.251.431	93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102.766	118.635	15%
Lợi nhuận khác	30.066	27.438	-9%
Lợi nhuận trước thuế	132.832	146.074	10%
Lợi nhuận sau thuế	100.798	110.888	10%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	0%

(Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán)

##### **b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,94	1,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,45	1,11	
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn	942.036.044.457	1.254.485.427.205	Đồng

kho			
Nợ ngắn hạn	650.153.547.137	1.130.117.710.973	Đồng
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,5	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,01	1,63	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	4,73	5,67	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,30	1,78	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,16	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	0,04	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần: 47.123.341 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 47.123.341 cổ phần.

Số lượng bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là: 0 cổ phần

**b) Cơ cấu cổ đông:** (Số liệu theo Danh sách cổ đông chốt ngày 12/9/2017)

Tổng số: 1.592 cổ đông. Trong đó:

- Cổ đông lớn chiếm: 73,2%; cổ đông nhỏ chiếm: 26,8%.

- Cổ đông tổ chức: 06 cổ đông, cổ đông cá nhân: 1.586 cổ đông.
- Cổ đông trong nước có: 1.587 cổ đông, cổ đông nước ngoài: 05 cổ đông.
- Cổ đông nhà nước có: 01 cổ đông, cổ đông khác có: 1.591 cổ đông.

**c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2017, công ty CP Công trình Viettel thay đổi vốn điều lệ một lần theo hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phần cho các cổ đông. Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 18/8/2017, thay đổi vốn điều lệ từ 428.400.340.000 đồng lên 471.233.410.000 đồng.

**d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

**e) Các chứng khoán khác:** Không có.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2017, Công ty CP Công trình Viettel tiếp nhận công tác Vận hành khai thác lớp mạng truy nhập tại 62 tỉnh/thành phố từ Tập đoàn Viettel – đây là cơ hội cũng là thách thức lớn cho Công ty. Cơ hội mở rộng ngành nghề mới. Cơ hội phát triển về nguồn việc khi mà ngành nghề truyền thống xây lắp trạm BTS ngày càng khó khăn, cạn kiệt. Thách thức lớn bởi song hành với việc tiếp nhận ngành nghề mới là việc tiếp nhận số lượng lớn người lao động (tăng số lượng lao động toàn công ty lên gần 10 ngàn người), trải rộng trên 62 tỉnh/thành phố, gây khó khăn trong việc quản lý cũng như đặt nặng bài toán chi phí lên vai Ban Giám đốc Công ty. Tuy nhiên, bằng sự điều hành quyết liệt của Ban Giám đốc cùng nỗ lực của toàn thể CBCNV, Công ty vẫn hoàn thành các chỉ tiêu chính trong kế hoạch năm 2017 đã đề ra. Cụ thể như sau:

+ Tổng Doanh thu hợp nhất hoàn thành 3.286 tỷ/3.179 tỷ ~ 103% kế hoạch năm 2017, tăng trưởng 91% so với thực hiện năm 2016;

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 146 đạt 103% kế hoạch năm 2017, tăng trưởng 10% ~ 14 tỷ so với thực hiện năm 2016;

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/DT đạt 4%, giảm 43% so với năm 2016;

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH đạt 16%, tăng 18 % so với kế hoạch, dự kiến trả cổ tức 20%, bằng 100% kế hoạch năm 2017;



+ So với một số đơn vị cùng ngành, các chỉ số hiệu quả của công ty ổn định và cao hơn mức trung bình ngành từ 3-4%. Cụ thể ROE = 16,6%; ROA = 7,3% (Mức trung bình của ngành ROE = 14%; ROA = 4%).

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

TÀI SẢN	31/12/2017	01/01/2017	TĂNG/GIẢM
(1)	(2)	(3)	(4=2-3)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.792.001.939.320</b>	<b>1.263.546.726.605</b>	<b>528.455.212.715</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	83.509.374.001	111.349.902.939	-27.840.528.938
1. Tiền	83.509.374.001	111.349.902.939	-27.840.528.938
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.142.636.438.129	828.489.305.529	314.147.132.600
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	846.868.222.356	570.819.255.384	276.048.966.972
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	89.151.470.821	94.068.383.736	- 4.916.912.915
3. Phải thu ngắn hạn khác	235.770.164.201	193.301.124.349	42.469.039.852
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	- 29.153.419.249	- 29.699.457.940	546.038.691
IV. Hàng tồn kho	537.516.512.115	321.510.682.148	216.005.829.967
1. Hàng tồn kho	554.829.695.976	339.004.993.108	215.824.702.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	- 17.313.183.861	- 17.494.310.960	181.127.099

V. Tài sản ngắn hạn khác	25.339.615.075	2.196.835.989	23.142.779.086
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19.845.668.451	764.116.565	19.081.551.886
2. Thuế GTGT được khấu trừ	1.173.142.970	1.432.719.424	-259.576.454
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.320.803.654	-	4.320.803.654
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>30.923.406.828</b>	<b>33.151.835.954</b>	<b>-2.228.429.126</b>
II. Tài sản cố định	27.965.909.738	29.583.483.203	- 1.617.573.465
1. Tài sản cố định hữu hình	11.053.732.515	11.945.810.931	- 892.078.416
- Nguyên giá	69.852.528.595	66.739.683.148	3.112.845.447
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-58.798.796.080	-54.793.872.217	-4.004.923.863
3. Tài sản cố định vô hình	16.912.177.223	17.637.672.272	- 725.495.049
- Nguyên giá	24.336.888.039	24.336.888.039	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-7.424.710.816	- 6.699.215.767	-725.495.049
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-
- Nguyên giá	27.104.263.033	27.104.263.033	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-27.104.263.033	-27.104.263.033	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	-	2.170.909.090	-2.170.909.090
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	2.170.909.090	-2.170.909.090

VI. Tài sản dài hạn khác	2.957.497.090	1.397.443.661	1.560.053.429
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.669.366.328	426.772.372	2.242.593.956
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	288.130.762	970.671.289	- 682.540.527
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.822.925.346.148</b>	<b>1.296.698.562.559</b>	<b>526.226.783.589</b>

**b) Tình hình Nguồn vốn**

NGUỒN VỐN	31/12/2017	01/01/2017	TĂNG/GIẢM
(1)	(2)	(3)	(4=2-3)
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.130.117.710.973</b>	<b>650.153.547.137</b>	<b>479.964.163.836</b>
I. Nợ ngắn hạn	1.130.117.710.973	650.153.547.137	479.964.163.836
1. Phải trả người bán ngắn hạn	337.122.936.218	239.214.388.870	97.908.547.348
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.808.996.131	14.283.314.487	20.525.681.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.503.954.622	47.080.599.593	-6.576.644.971
4. Phải trả người lao động	162.370.301.248	37.427.858.055	124.942.443.193
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	323.802.575.593	196.865.870.470	126.936.705.123
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	10.884.788.977	10.884.788.977	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	159.142.235.943	65.422.449.527	93.719.786.416
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.446.934.108	4.307.489.689	30.139.444.419
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17.941.348.054	27.040.412.789	- 9.099.064.735
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.093.640.079	7.626.374.680	1.467.265.399

<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>692.807.635.175</b>	<b>646.545.015.422</b>	<b>46.262.619.753</b>
I. Vốn chủ sở hữu	692.807.635.175	646.545.015.422	46.262.619.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	471.233.410.000	428.400.340.000	42.833.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	471.233.410.000	428.400.340.000	42.833.070.000
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	- 3.271.899.150	8.501.658.180	-11.773.557.330
8. Quỹ đầu tư phát triển	48.685.143.842	48.685.143.842	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	175.823.443.333	160.518.316.498	15.305.126.835
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	65.005.721.870	59.786.115.900	5.219.605.970
- LNST chưa phân phối kỳ này	110.817.721.463	100.732.200.598	10.085.520.865
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	337.537.150	439.556.902	- 102.019.752
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.822.925.346.148</b>	<b>1.296.698.562.559</b>	<b>526.226.783.589</b>

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Kiện toàn lại tổ chức bộ máy Công ty Công trình Viettel sau khi tiếp nhận nhiệm vụ VHKT lớp mạng truy nhập (sau kiện toàn có 14 phòng, 01 trung tâm VHKT, 62 TTKT, 05 CNKV, 08 thị trường nước ngoài).

- Tại các TTKT thực hiện ghép huyện thành các cụm để tối ưu nhân sự quản lý, tập trung nguồn lực để thực hiện các công việc ngoài OS, quản lý địa bàn theo các tổ kỹ thuật (ghép 261 huyện thành 123 cụm).

- Xây dựng lại định biên nhân sự nhà trạm và dây máy theo hướng tăng NSLĐ 15% sau khi tiếp nhận công tác VHKT lớp mạng truy nhập.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Mở rộng quy mô sản xuất, phấn đấu chuyển dịch vận hành khai thác ra thị trường nước ngoài mà Viettel đầu tư. Trước mắt trong năm 2018, thử nghiệm chuyển dịch ra 1-2 thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công việc, tối ưu chi phí ở tất cả các hoạt động.
- Đầu tư mua đất xây dựng trụ sở Công ty để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Không có.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:**

Công ty CP Công trình Viettel đã tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả.

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật liên quan đến vấn đề người lao động, việc sử dụng lao động trong Công ty:

- Thời giờ làm việc: Đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành.

- Tham gia đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% đối tượng Hợp đồng lao động. Thực hiện chi trả, giải quyết đầy đủ quyền lợi của người lao động về các chế độ ốm đau, thai sản... Mua bảo hiểm thân thể cho đối tượng hợp đồng dịch vụ để đối tượng này có quyền lợi trong trường hợp xảy ra rủi ro như ốm đau, tai nạn...

- Tổ chức đào tạo an toàn lao động, vệ sinh lao động cho 100% CBCNV định kỳ. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho cá nhân làm việc trực tiếp, thường xuyên tiếp xúc với các mối nguy hại bên ngoài.

- Trang bị đầy đủ thiết bị đảm bảo an toàn, cảnh báo cháy, phòng cháy chữa cháy tại nơi làm việc.

- Phát động các đợt thi đua, tuyên dương, trao thưởng để khích lệ tinh thần làm việc của CBCNV. Hàng năm, đảm bảo chính sách nghỉ mát cho 100% CBCNV để tái tạo sức lao động, tăng niềm hứng khởi cho người lao động trong một năm cống hiến cho Công ty.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:**

- Hàng tháng, vào ngày mùng 1 và ngày Rằm, Đoàn thanh niên Công ty dành thời gian tổ chức tới dọn dẹp, thắp hương tại nghĩa trang liệt sỹ Mễ Trì để tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ.

- Tại một số trung tâm kỹ thuật tỉnh, xây dựng “Quỹ nhân đạo” để giúp đỡ, ủng hộ một số gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương.

- Hằng năm, CBCNV dành 1 đến 1 vài ngày công để ủng hộ đồng bào cả nước tại những vùng xảy ra thiên tai, địch họa.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện triệt để các nội dung trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 được tổ chức vào ngày 22/4/2017. Căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh, HĐQT đã khẩn trương đưa ra các quyết sách đúng đắn, phù hợp để Công ty hoàn thành tốt kế hoạch mà ĐHĐCĐ thông qua.

Năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 18 cuộc họp, ban hành 18 Nghị quyết để công ty triển khai thực hiện. Các phiên họp đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đại diện Ban kiểm soát tham gia vào tất cả các cuộc họp. Khi quyết định những vấn đề quan trọng, HĐQT đều mời đại diện các đơn vị chuyên môn có liên quan dự họp để bổ sung, đóng góp ý kiến đảm bảo các quyết định của HĐQT bám sát thực tiễn, có tính khả thi và hiệu quả cao trên thực tế.

Các thành viên HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các hoạt động của Công ty đều đảm bảo tiêu chuẩn quy định, không có tác động xấu đến môi trường và xã hội.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

Giám đốc Công ty đồng thời là thành viên HĐQT nên đảm bảo việc các Nghị quyết của HĐQT được đảm bảo, chủ động triển khai thực hiện theo đúng tinh thần mà HĐQT giao phó. Ban Giám đốc bám sát kế hoạch, quyết định của HĐQT đồng thời linh hoạt trong công tác điều hành để phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị thời điểm đó nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

Năm 2017, công ty tiếp nhận công tác vận hành khai thác lớp mạng truy nhập cho 62 tỉnh/tp từ Tập đoàn Viettel, lĩnh vực mới, số lượng CBCNV tăng gần 10 lần nhưng Ban Giám đốc đã đoàn kết cùng nhau vượt qua khó khăn, cùng nhau giải quyết những vướng mắc để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Pháp luật Việt Nam.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Sau khi phân tích dự báo tình hình thị trường, HĐQT đã thống nhất xây dựng kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất: 4.168,3 tỷ đồng tăng trưởng 27% so với năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế: 188,6 tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2017.
- Lợi nhuận sau thuế: 145,3 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2017.
- Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến: 15% - 20%.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

#### **2.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		3.251.430.526.289	1.682.989.137.003
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		3.251.430.526.289	1.682.989.137.003
4. Giá vốn hàng bán	11		3.045.944.903.487	1.520.820.071.159

5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		205.485.622.802	162.169.065.844
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.099.643.521	6.532.537.287
7. Chi phí tài chính	22		4.157.241.872	11.708.306.816
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.423.487.906	7.895.922.442
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		88.792.562.482	54.226.970.222
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}	30		118.635.461.969	102.766.326.093
12. Thu nhập khác	31		28.914.850.429	30.332.625.226
13. Chi phí khác	32		1.476.440.501	267.002.910
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		27.438.409.928	30.065.622.316
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		146.073.871.897	132.831.948.409
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		34.503.381.676	31.761.150.813
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		682.540.527	273.024.066
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		110.887.949.694	100.797.773.530



(60=50 – 51 - 52)				
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		110.817.721.463	100.732.200.598
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		70.228.231	65.572.932
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.352	2.276
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

**2.2. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: (Theo phương pháp gián tiếp)**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		146.073.871.897	132.831.948.409
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		4.730.418.912	9.024.057.153
- Các khoản dự phòng	3		-9.826.230.525	-2.495.460.549
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		946.572.938	-2.331.074.743
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-5.003.310.237	-694.603.983
- Chi phí lãi vay	6		2.423.487.906	7.895.922.442
- Các khoản điều chỉnh khác	7			

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		139.344.810.891	144.230.788.729
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		-314.446.023.397	-106.231.481.778
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-215.824.702.868	265.321.452.716
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		441.949.996.479	- 67.140.785.220
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		- 21.324.145.842	2.333.056.033
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		- 3.267.410.180	- 7.475.231.182
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		- 35.365.279.875	- 40.629.768.105
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	246.250.290
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		- 8.365.261.229	- 7.546.612.970
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		- 17.298.016.021	183.107.668.513
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		- 913.340.047	- 3.871.580.136
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			

4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.003.310.237	694.603.983
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.089.970.190	- 3.176.976.153
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	75.979.940.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		738.354.645.707	125.360.347.795
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-708.215.201.288	-310.395.455.765
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		- 41.772.745.090	- 67.361.742.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		- 11.633.300.671	-176.416.910.550
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		- 27.841.346.502	3.513.781.810

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		111.349.902.939	106.469.659.949
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		817.564	1.366.461.180
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		83.509.374.001	111.349.902.939

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**


  
**Dương Quốc Chính**